

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA KAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2021/DSST.

Ngày 20/8/2021.

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thế Hằng.
2. Ông Lê Khắc Dũng.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Hồ Quốc Nam – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Eakar, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Eakar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Dương Minh Xuân – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 08 năm 2021, tại Hội trường xét xử trụ sở Tòa án nhân dân huyện Eakar, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 417/2020/TLST-DS ngày 24/12/2020, về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2021/QĐXX-DS ngày 23/6/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2021/QĐST – DS ngày 21/7/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn C và bà Lê Thị Chi Ng. Nơi cư trú: Tổ dân phố 2A, thị trấn E, huyện E, Tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ N. Nơi cư trú: Thôn Quảng Cư 1A, xã C, huyện E, Tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Hồ Sỹ Th.

Nơi cư trú: Thôn Quảng Cư 1A, xã C, huyện E, Tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt).

NHÂN THẤY

Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn, quá trình làm việc tại Tòa án nguyên đơn ông Nguyễn Văn C và bà Lê Thị Chi Ng trình bày:

Gia đình ông C và bà Ng kinh doanh tiệm cầm đồ theo giấy phép kinh doanh số 40H8004749, ngày 14/11/2013. Nên vào ngày 22/8/2018(AL) tức là ngày 01/10/2018 ông C và bà Ng có cho bà N vay với số tiền 14.000.000 đồng. Tiếp đến vào ngày 25/9/2018 (AL) tức là ngày 02/11/2018 (DL) bà N tiếp tục vay số tiền 8.000.000 đồng. Khi vay các bên có lập giấy tờ vay, thời hạn trả nợ của hai khoản vay là vào ngày 22/9/2018 (AL), tức là ngày 30/10/2018 (DL).

Trong quá trình vay mượn bà N có cầm cố các giấy tờ sau: 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên bà N, 01 hộ khẩu gia đình Hồ Sỹ Th (phô tô), 01 giấy khai sinh và 01 GCNQSD đất số BI 665770. Thửa đất số 66,67,68,80, tờ bản đồ số 71, tại Thôn Quảng Cư 1B, xã C, huyện Ea, tỉnh Đắk Lắk. cấp cho ông Hồ Sỹ Th và bà Nguyễn Thị Mỹ N ngày 13/4/2015. Việc cầm cố các tài sản trên chỉ là làm tin cho nhau, đối

với việc cầm cố giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không có đăng ký thế chấp, đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Đến hạn trả nợ, bà Nương không trả cho ông C, bà Nga như đúng thời hạn các bên đã cam kết, nên ông C, bà Ng làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Mỹ N phải trả cho tôi số tiền nợ 22.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông C và bà Nguyễn cầu cả ông Hồ Sỹ Th phải có trách nhiệm cùng trả nợ số tiền nêu trên, tuy nhiên, tại phiên Tòa ông C và bà Ng không yêu cầu ông Th phải có trách nhiệm trả nợ cùng với bà N.

Còn đối với các giấy tờ đã cầm cố, thì ông C và bà Ng sẽ có trách nhiệm trả cho bà N và ông Th theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 18/01/2021 bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ N trình bày:

Vào ngày 22/08/2018 (Al) bà Nương có ra nhà ông Nguyễn Văn C và bà Lê Thị Chi Ng vay số tiền 14.000.000 đồng, tiếp đến ngày 25/8/2018 (Al) tôi tiếp tục vay số tiền 8.000.000 đồng mục đích vay về làm ăn phát triển kinh tế gia đình, ông Hồ Sỹ Th biết việc vay mượn này, giữa các bên có lập giấy tờ và ký hợp đồng thế chấp tài sản với nhau.

Bà N có thế chấp 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên bà N, 01 hộ khẩu gia đình Hồ Sỹ Th và 01 GCNQSD đất số BI 665770. Thửa đất số 66,67,68,80, tờ bản đồ số 71, tại Thôn Quảng Cư 1B, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. cấp cho ông Hồ Sỹ Th và bà Nguyễn Thị Mỹ N ngày 13/4/2015. Đến hạn trả nợ, do điều kiện kinh tế khó khăn nên không có khả năng trả nợ được.

Nay ông C và bà Ng khởi kiện thì bà Nương sẽ có trách nhiệm trả số tiền 22.000.000 đồng và 6.000.000 đồng tiền lãi.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án cho các đương sự và triệu tập các bên đương sự đến Tòa án để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do bị đơn bà N chỉ đến Tòa án làm bản tự khai nhận đầy đủ các văn bản tố tụng cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Hồ Sỹ Th, sau đó không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Căn cứ vào Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và thực hiện đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự về phiên toà sơ thẩm, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn và Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72, 73 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn giải quyết vụ án đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

* Về nội dung vụ án: căn cứ các tài liệu chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án qua phân tranh tụng tại phiên Tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ N phải có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn C , bà Lê Thị Chi Ng số tiền 22.000.000 đồng. (Hai mươi hai triệu đồng).

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C và bà Lê Thị Chi Ng, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar xác định đây là vụ án tranh chấp “hợp đồng vay tài sản” được quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ Luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Ea Kar thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Về sự vắng mặt của các đương sự: Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định, nhưng vắng mặt không có lý do. HĐXX căn cứ vào 227 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Trên cơ sở lời trình bày của các đương sự cũng như qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngày 14/11/2013 gia đình ông C và bà Ng mở kinh doanh tiệm cầm đồ theo giấy phép kinh doanh số 40H8004749. Nên vào ngày 22/8/2018(AL) tức là ngày 01/10/2018 (DL) ông C và bà Ng có cho bà N vay với số tiền 14.000.000 đồng. Tiếp đến vào ngày 25/9/2018 (Al) tức là ngày 02/11/2018 (DL) bà Nưng tiếp tục vay số tiền 8.000.000 đồng. khi vay các bên có lập giấy tờ vay, thời hạn trả nợ của hai khoản vay là vào ngày 22/9/2018 (AL), tức là ngày 30/10/2018 (DL).

Qua quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ N thừa nhận có vay ông C và bà Ng tổng số tiền 22.000.000 đồng, mục đích vay làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Tuy nhiên, đến hạn trả nợ của các khoản vay trên bà N không trả theo như thỏa thuận các bên đã cam kết, do đó bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại Khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự quy định:

Điều 466. Nghĩa vụ trả nợ của bên vay

1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

Vì vậy, việc ông C và bà Ng khởi kiện bà N phải có nghĩa vụ trả nợ số tiền 22.000.000 đồng là hoàn toàn phù hợp và có căn cứ theo quy định của pháp luật nên HĐXX cần chấp nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn yêu cầu người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Hồ Sỹ Th là chồng của bà Ng phải có trách nhiệm trả nợ số tiền 22.000.000 đồng, nhưng tại phiên tòa nguyên đơn không yêu cầu và việc không yêu cầu là phù hợp nên HĐXX cần chấp nhận.

Về lãi suất: Nguyên đơn có đơn xin rút yêu cầu là hoàn toàn tự nguyện nên HĐXX cần chấp nhận ra Quyết định đình chỉ đối với yêu cầu này là phù hợp.

Trong quá trình vay mượn bà N có cầm cố các giấy tờ sau: 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên bà N, 01 hộ khẩu gia đình Hồ Sỹ Th và 01 GCNQSD đất số BI 665770. Thửa đất số 66,67,68,80, tờ bản đồ số 71, tại Thôn Quảng Cư 1B, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. cấp cho ông Hồ Sỹ Th và bà Nguyễn Thị Mỹ N ngày 13/4/2015, 01 giấy chứng minh nhân dân của bà Nguyễn Thị Mỹ N, 01 giấy khai sinh, 01 sổ hộ khẩu gia đình (phô tô). Việc ông C và bà Ng có đăng ký giấy phép kinh doanh tiệm cầm đồ theo quy định của pháp luật, nhưng đối tượng cầm cố không phải là tài sản, mà việc cầm cố đối với quyền sử dụng đất phải thực hiện qua thủ tục thế chấp giao dịch đảm bảo theo quy định của pháp luật, tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn thừa nhận việc cầm cố các giấy tờ này để làm tin cho nhau, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập. Tuy nhiên, nguyên đơn đồng ý trả lại những giấy tờ này cho bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, xét thấy đây là ý chí tự nguyện của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX cần chấp nhận.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ Nưng chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về các lễ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 161, điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 470 Bộ luật dân sự.
- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C và bà Lê Thị Chi Ng.

Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ N phải có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn C, bà Lê Thị Chi Ng số tiền 22.000.000 đồng (Hai mươi hai triệu đồng).

Buộc ông Nguyễn Văn C và bà Lê Thị Chi Ng phải có trách nhiệm trả lại cho bà Nguyễn Thị Mỹ N và ông Hồ Sỹ Th 01 GCNQSD đất số BI 665770. Thửa đất số 66,67,68,80, tờ bản đồ số 71, tại Thôn Quảng Cư 1B, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk cấp cho ông Hồ Sỹ Th và bà Nguyễn Thị Mỹ N ngày 13/4/2015, 01 giấy chứng minh nhân dân của bà Nguyễn Thị Mỹ N, 01 giấy khai sinh, 01 sổ hộ khẩu gia đình (phô tô).

Về lãi suất: Đình chỉ yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn.

“Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành án”.

Về án phí: bà Nguyễn Thị Mỹ N phải chịu 1.110.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (*Theo mức 22.000.000 x 5%*)

Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền 700.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng số AA/2019/0016739 ngày 21/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Ea Kar;
- CCTHADS huyện Ea Kar;
- Các đương sự;
- Lưu: HS +VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Ngọc